

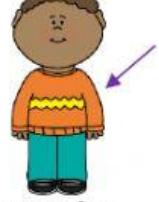


Name: .....

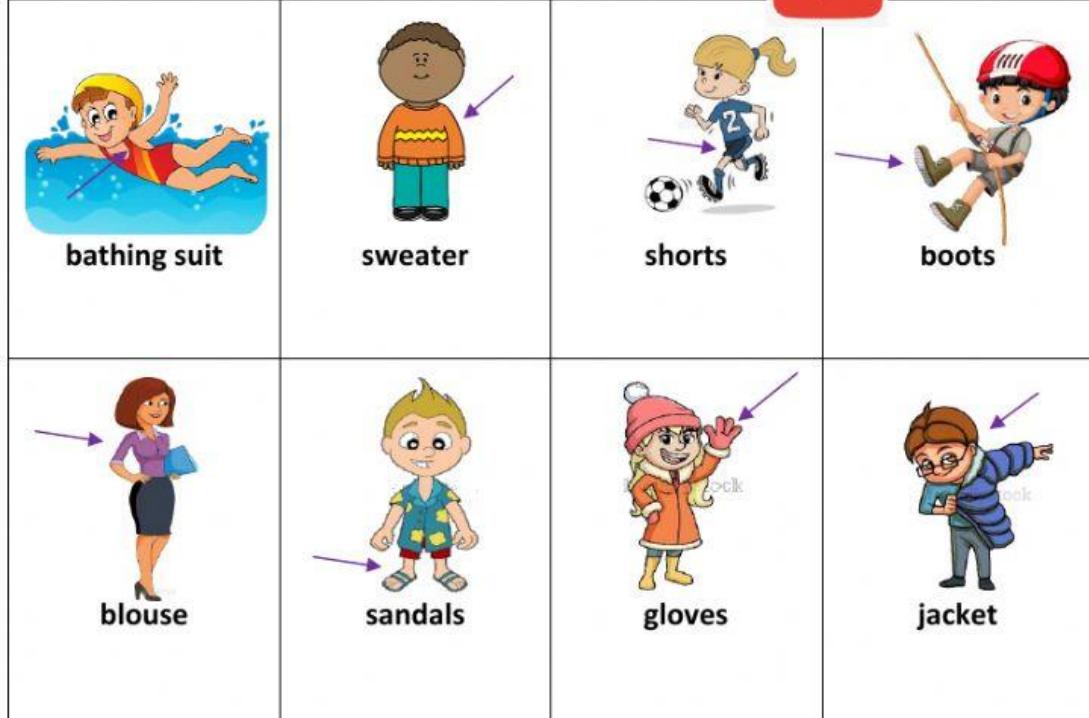
Class: 1.....

## Hướng dẫn HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH

### Tuần 33 (21/3 - 25/3)

THỜI GIAN	NỘI DUNG			
	1. Chỉ tay và ôn tập từ vựng chủ đề “Clothes” qua link: 			
Thứ 2 (21/3)	 bathing suit	 sweater	 shorts	 boots
	 blouse	 sandals	 gloves	 jacket
2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:				
 1. <b>I'm wearing</b> a jacket.		 2. <b>I'm not wearing</b> pants.		
3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: 				

1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề “Clothes” qua link:



Thứ 3  
(22/3)

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:



3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:



1. Ôn tập từ vựng chủ đề “Clothes” qua link bài hát:



2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu qua link:



I'm wearing a T-shirt.



I'm not wearing a blouse.



You're wearing a T-shirt.

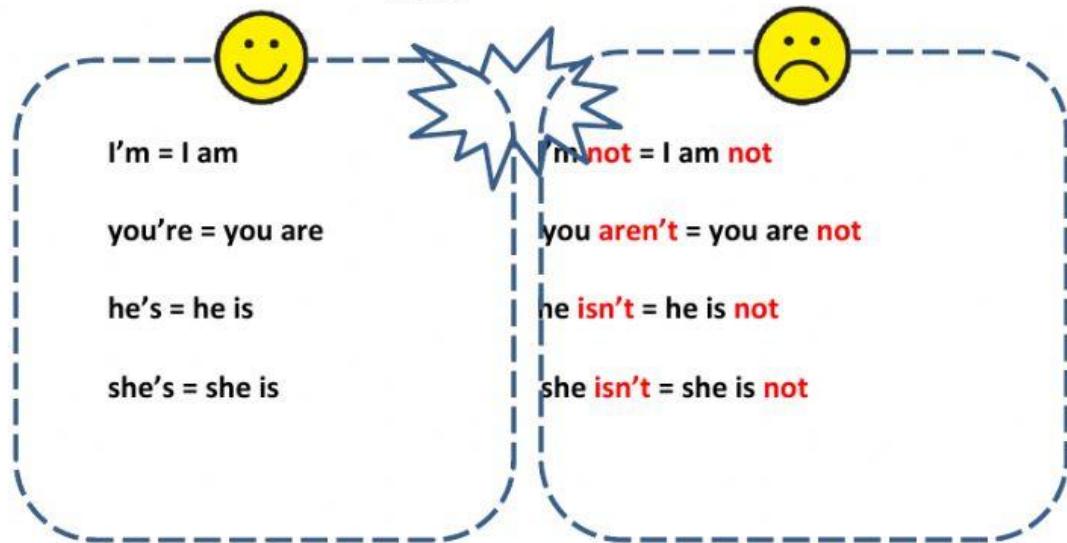
You aren't wearing a blouse.

He's wearing a T-shirt

She isn't wearing a blouse.

Thứ 4  
(23/3)

Note:



3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:



1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề “Clothes” qua link:



Thứ 5  
(24/3)



blouse



sweater



jacket



skirt



dress



hat



cap



gloves



jeans



pants



boots



shoes

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu qua link:



I'm **wearing** a T-shirt.



You're **wearing** a T-shirt.

He's **wearing** a T-shirt



I'm **not wearing** a blouse.



You **aren't wearing** a blouse.

She **isn't wearing** a blouse.

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:

**Baambeozle**

<p>Thứ 6 (25/3)</p>	<p>1. Ôn tập từ vựng chủ đề “<b>Adjectives</b>” qua link: </p> <p>2. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề “<b>Adjectives</b>” qua link: </p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td data-bbox="346 343 627 631">   <b>dry</b> </td><td data-bbox="627 343 908 631">   <b>wet</b> </td><td data-bbox="908 343 1189 631">   <b>warm</b> </td><td data-bbox="1189 343 1448 631">   <b>cool</b> </td></tr> <tr> <td data-bbox="346 631 627 941">   <b>thick</b> </td><td data-bbox="627 631 908 941">   <b>thin</b> </td><td data-bbox="908 631 1189 941">   <b>short</b> </td><td data-bbox="1189 631 1448 941">   <b>tall</b> </td></tr> </tbody> </table> <p>3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: </p> <p>4. Làm phiếu bài tập cuối tuần tại link: </p>	 <b>dry</b>	 <b>wet</b>	 <b>warm</b>	 <b>cool</b>	 <b>thick</b>	 <b>thin</b>	 <b>short</b>	 <b>tall</b>
 <b>dry</b>	 <b>wet</b>	 <b>warm</b>	 <b>cool</b>						
 <b>thick</b>	 <b>thin</b>	 <b>short</b>	 <b>tall</b>						
<p><b>Extra practice</b></p>	<p>1. Làm bài trong phần <b>Homework</b> trên <b>Pearson English Portal</b> tại link:   <b>Pearson</b></p> <p>2. Luyện viết và học từ mới trong phiếu “<b>Trace, write and read</b>”</p>								

Name: .....

Unit 10 - What clothes do we wear?

Class: 1.....

Date: .....



Trace, write and read

---



jeans



pants



gloves



bathing suit



hat



cap